TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH** ---------=--------- Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST Ngày: 10/6/2019 *V/v không công nhận là vợ chồng*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

2. Ông Lưu Danh Sử.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Ngày 10/6/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 31/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/02/2019 về việc "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lưu Thị T, sinh năm 1970.

Tên gọi khác: Không.

Địa chỉ: Phố B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

2. Bị đơn: Anh Quách Duy L, sinh năm 1960.

Tên gọi khác: Không.

Địa chỉ: Phố B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Chị T có mặt; Anh L vắng mặt - có đơn đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/02/2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Nho Quan nguyên đơn chị Lưu Thị Thu trình bầy:

1. Về hôn nhân: Chị Lưu Thị T và anh Quách Duy L sống chung với nhau vào năm 1991. Chị T, anh L có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chị T, anh L chung sống tại phố B, thị trấn N,

huyện N. Quá trình chung sống, cuộc sống chung của chị T, anh L đã không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn tới đánh chửi lẫn nhau. Nguyên nhân là do anh L thường xuyên rượu chè và nghi ngờ chị T có quan hệ tình cảm với người khác. Chị T đã nhiều lần làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh L là vợ chồng xong vì thương con nên chị lại rút đơn. Nay mâu thuẫn giữa chị T và anh L trở nên trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị T đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh L là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị T xác định chị và anh L có 02 con chung là các cháu Quách Duy L, sinh ngày 06/12/1993 và Quách Duy T, sinh ngày 20/11/1995. Hiện cả hai con chung của chị T, anh L đều đã đủ 18 tuổi trưởng thành và tự lập được nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quyền sử dụng đất canh tác chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Quách Duy L thừa nhận thời điểm, quá trình chung sống, con chung, quyền sử dụng đất canh tác chung đúng như chị T đã trình bầy. Tuy nhiên, anh L xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do anh và chị T không hợp tính nhau. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh L xác định anh và chị T có tài sản chung, công nợ chung xong anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại phố B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn anh Quách Duy L tại phiên tòa: Ngày 15/5/2019, anh Quách Duy L đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo trình tự thủ tục chung.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Lưu Thị T và anh Quách Duy L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 đến nay. Tại thời điểm chung sống chị T, anh L đều đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống cuộc sống chung giữa chị T và anh L đã không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn tới đánh chửi lẫn nhau. Nhà nước đã có thời hạn đăng ký kết hôn gia hạn trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực pháp luật cho đến ngày 01/01/2003 nhưng chị T, anh L không đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định. Tuy nhiên, trên thực tế giữa chị T và anh L có thời gian dài chung sống với nhau và có 02 con chung nên căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp ngày 06/01/2016 về hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình thì không xác định chị Lưu Thị T và anh Quách Duy L là vợ chồng. Việc chị Lưu Thị T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Quách Duy L là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung là Quách Duy L, sinh ngày 06/12/1993 và Quách Duy T, sinh ngày 20/11/1995. Hiện cả hai con chung của chị T, anh L đều đã đủ 18 tuổi trưởng thành và tự lập được nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[2.4]. Về quyền sử dụng đất canh tác chung: Chị T, anh L đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[2.5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Khoản 8 Điều 28; Điều 143; Điều 147 và khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9; Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp ngày 06/01/2016 về hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử không công nhận chị Lưu Thị T và anh Quách Duy L là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung là Quách Duy L, sinh ngày 06/12/1993 và Quách Duy T, sinh ngày 20/11/1995. Hiện cả hai con chung của chị T, anh L đều đã đủ 18 tuổi trưởng thành và tự lập được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quyền sử dụng đất canh tác chung: Chị T, anh L đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lưu Thị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000046 ngày 19/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nay chuyển sang án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- Đương sự;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

ĐÀO THỊ HUỆ